

ĐẠI NHẬT NHƯ LAI KIẾM ẤN

Phạn Việt dịch : VỌNG CHI _ HUYỀN THANH

Chấp hai tay lại để ngang trái tim, co 2 ngón giữa của ngón trở để nằm ngang dính nhau, dùng 2 ngón cái kèm đè lóng trên của 2 ngón trở như hình cây kiếm. Kết Ấn này liền quán trong trái tim của mình có hoa sen 8 cánh, ở trong hoa tưởng chữ A (𑖀) phóng ra ánh sáng màu vàng tương ứng với Ấn, tưởng chữ A(𑖀) kia rất ráo là **Tất cả Pháp vốn chẳng sinh** . Liền tụng Chân Ngôn là:

𑖀𑖀: 𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀 𑖀𑖀 𑖀𑖀 𑖀𑖀

Ná mô tam mãn đa mẫu đà nam. Ác vĩ la hồng khiếm

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ A VIRA HŪM KHAM

Tiếp tụng Chân Ngôn 108 biến. Dùng Kiếm Ấn như lúc trước gia trì 5 nơi trên thân mình là: Vầng trán, vai phải, vai trái, trái tim, cổ họng rồi bung Ấn trên đỉnh đầu.

Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Ấn: Trước tiên chấp tay. Dem 2 ngón vô danh, 2 ngón út, bên phải đè bên trái cùng chĩa vào trong lòng bàn tay. Dựng thẳng 2 ngón giữa rồi co lóng thứ nhất cùng dính đầu ngón như hình cây kiếm. Hai ngón cái nhập vào lòng bàn tay, duỗi bằng 2 ngón trở rồi co 2 đầu ngón đè lên móng 2 ngón cái, 2 đầu ngón trở chạm nhau. Đây gọi là **Đỉnh Luân Vương Căn Bản Ấn**

Tụng rằng:

Ấn này **Ma Ha Ấn** (Mahà Mudra _ Đại Ấn)

Ấy là Như Lai Đỉnh

Vừa mới kết tác xong

Liền đồng với Bản Tôn

_ Đỉnh Luân Vương Chân Ngôn:

𑖀𑖀: 𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀 𑖀

Năng mặc tam mãn đa mẫu đà nam. An (Nếu có cầu thỉnh, mong cầu tất cả việc thì ở đây nên gia thêm Khổng Tước Vương Đà La Ni) 𑖀𑖀 **Bộ-lỗ-án**

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ OM BHRÙM

Tiếp kết **Khổng Tước Vương Ấn** : Dem 2 tay cùng chĩa nhau bên trong, dựng thẳng Đàn Tuệ (2 ngón út) sao cho đầu ngón dính nhau, cũng dựng thẳng Thiên Trí (2 ngón cái) cùng dính nhau thì Ấn ấy liền thành. Tụng Chân Ngôn 3 biến hoặc 7 biến và hợp tụng với Đỉnh Luân Vương, nên gia thêm câu Chân Ngôn này. Tụng Chân Ngôn là:

𑖀 𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀 𑖀𑖀

An, ma dũu la ca-lan đế, sa-phộc hạ

OM _ MAYURÀ KRANTA (?MAYÙRÀ KRÀNTE) SVÀHÀ

ॐ ह्रीं हूं हूं हूं

An, hột-li, hác, hồng phán tra

OM HRÌH HAḤ HÙM PHATḤ

(Bản khác ghi là: OM _ HRÌH HAḤ HÙM HÙM PHATḤ)

_ Bất Không Quyển Sách Tâm Chân Ngôn:

ॐ अमोघप्रतिहता हूं हूं

An, a mô nga bát-la để hạ đá ,hồng phán tra

OM AMOGHA PRATIHATA (?APRATIHATA) HÙM PHATḤ

_ Hư Không Tạng Mãn Nguyên Chân Ngôn:

ॐ सर्वगतमिषकवज्र इव सर्वमिषरसुरैः
हूं वं हूं ॐ

An, tát phộc đát tha nghiệt đa, tỳ lộc ca, phộc nhật-la la đát-na, tát phộc
xả bả lị bố la ca, nhạ hồng noan hộc đát-lam

OM _ SARVA TATHAGATÀ MIPEKA VAJRARATNA SARVA
'SÀPARI PÙRAKA , JAḤ HÙM VAM HOḤ TRÀM

_ Hư Không Tạng Tam Muội Chân Ngôn:

ॐ वज्र इव हूं

An, phộc nhật-la la đát-na, hồng

OM _ VAJRARATNA HÙM

_ Hư Không Tạng Chân Ngôn:

ॐ गगनस्रववज्र हूं ॐ हूं

An, nga nga năng tam bà phộc, phộc nhật-la hộc . An, ác hồng

OM _ GAGANA SABHAVA (? SAMBHAVA) VAJRA HOḤ _ OM A
(?ÀḤ) HÙM

_ Hư Không Tạng Yết Ma Chân Ngôn:

ॐ वज्र इहूं

An, phộc nhật-la la đát-nô hám

OM _ VAJRARATNA UHÀM

_ Văn Thù Bát Tự Chân Ngôn:

ॐ अहं हूं वदं वः वं

A vĩ la hồng khư tả lạc, đàm

À (? AH) VIRA (? VÌRA) HÙM KHA CARAḤ _ DHAM

_ Văn Thù Bồ Tát Lục Tự Chân Ngôn:

ॐ वज्र हूं

An, phộc kế na năng mạc

Phàm pháp tắm gội (Táo dục) có ba phần rửa ráy riêng, nên biết thứ tự trước sau: Từ chân đến rốn là phần dưới, từ rốn đến giữa là phần giữa, từ cổ đến đỉnh đầu là phần trên. Thoạt tiên nên tẩy rửa phần dưới cho sạch, liền dùng Bồ Kết tảo đậu rửa sạch tay. Tiếp tẩy rửa phần giữa, lại rửa sạch tay. Tiếp rướn rớt vào phần trên

Bản Kinh ghi là : *“Phàm lúc tắm rửa thì lặng lẽ nhất tâm trì niệm chẳng nên tán loạn, cũng chẳng cười đùa nói chuyện vô nghĩa, cũng đừng vào chỗ kín, cũng chẳng nên suy niệm việc dâm dục của nam nữ. Thường vì trừ bỏ như bản mà tắm rửa, đừng khởi tưởng trang điểm thân thể. Hãy một lòng nhớ rõ thứ tự Hộ Trì như Pháp. Cũng đừng nên nóng nảy la mắng lớn nhỏ. Giả sử có việc chẳng như ý nên khởi Tâm Từ khéo dùng lời dạy bảo “ Y như thế dạy cách tắm gội như Pháp xong.*

_Tiếp, nên **Quán Đỉnh**. Dùng Chân Ngôn gia trì bình trong sạch (Tịnh bình) đem rưới lên đỉnh đầu.

Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं क्लीं ह्रीं क्लीं ह्रीं क्लीं

Án, hác khư lị lị hồng phát tra

OM _ HAḤ KHALILI (?KHAKALI) HŪM PHAT

Nếu tự Gia Trì, thường tụng Chân Ngôn 21 biến liền được. Nếu như có Đồng Bạn hoặc Đệ Tử biết Pháp thì gia trì đủ 108 biến. Như không có cái bình, không có người thì thường dùng Pháp này vốc nước, mỗi vốc nước gia trì tụng Chân Ngôn 7 biến. Ba lần vốc nước như Pháp Gia Trì, tự rưới lên đỉnh đầu.

Án đó, dùng Đạn Tuệ (2 ngón út) , bên phải đè bên trái, cùng cài chéo nhau trong lòng bàn tay. Dùng giới phương (2 ngón vô danh) co song song và đè giao bên trên. Đem nhãn nguyệt (2 ngón giữa) duỗi thẳng sao cho đầu ngón dính nhau. Dùng Tiến lực (2 ngón trỏ) co dính lưng lóng trên Nhãn Nguyệt. Dựng kèm Thiên Trí (2 ngón cái) liền thành. Đây gọi là Quán Đỉnh Án.

Tiếp, dùng **Đại Tam Muội Gia Chân Ngôn** lúc trước. Lời và Án như trước, gia trì 5 nơi trên thân mình như lúc trước.

Tiếp, dùng **Quân Trà Lợi Tâm** như trước, vốc nước Gia Trì mà rưới lên áo mặc khiến cho Thanh Tịnh. Sau này lấy mặc vào. Vẫn nên tự tụng Cát Tường Già Đà (kệ Cát Tường) chẳng để gián đoạn. Đi thẳng đến chỗ mình ngồi. Tâm tưởng *dùng thân tâm thanh tịnh này lễ sự cúng dường tất cả chư Phật*. Liền vào Đạo Trường cúng dường như điều dạy trong Đại Giáo. Y theo lược sao của Kinh Tô Tất Địa với Kinh Kim Cương Đỉnh giải các hức uest, gia trì pháp của 3 nghiệp.

Nói về sự Tịnh 3 nghiệp. Hoặc lúc thân va chạm vật uest, hoặc miệng tham ăn và nói các lời bậy bạ hoặc trong tâm suy tư các việc chẳng ích lợi, đều gọi là **3 nghiệp bất tịnh** cho nên dùng Đà La Ni này với Chính Quán gia trì khiến cho tội cấu tiêu diệt, nghiệp của thân ngữ ý mau được thanh tịnh

Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं क्लीं ह्रीं क्लीं ह्रीं क्लीं ह्रीं क्लीं ह्रीं क्लीं

Án, sa-phộc bà phộc , truyệt đà , tát phộc đạt ma sa-phộc bà phộc, truyệt độ

hám

Phật Bộ Tâm Tam Muội Gia Ấn. Dùng 10 độ của Chỉ Quán (10 ngón của 2 tay phải, trái) cùng cài nhau bên trong làm quyền. Dem Thiên Trí (2 ngón cái) kèm dựng. Kết Ấn thành xong, quán chư Phật đầy khắp hư không, liền tụng Chân Ngôn 3 biến, buông Ấn trên đỉnh đầu. Tụng Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

An, nhĩ năng nhĩ ca, sa-phộc hạ

OM JINA JIK SVÀHÀ

_Tiếp, kết **Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Ấn** . Giống như Phật Bộ Tâm Ấn trước, co Trí Độ (ngón cái phải) vào lòng bàn tay, dựng đứng Thiên Độ (ngón cái trái) kết thành Ấn xong, tưởng ở bên phải tất cả Như Lai có Bồ Tát Quán Tự Tại và các quyền thuộc. Liền tụng Chân Ngôn 3 lần, buông Ấn bên phải của đỉnh đầu. Tụng Chân Ngôn là :

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

An, a lô lực ca, sa-phộc hạ

OM AROLIK SVÀHÀ

_Tiếp, kết **Kim Cương Bộ Tam Muội Gia Ấn**. Như Phật Bộ Tâm Ấn trước. Co Thiên Độ(ngón cái trái) vào lòng bàn tay, dựng đứng Trí Độ(ngón cái phải). Tưởng ở bên trái tất cả Như lai có Bồ Tát Kim Cương Thủ với các quyền thuộc. Liền tụng Chân Ngôn 3 lần, buông Ấn bên trái của đỉnh đầu. Tụng Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

An, phộc nhật-la địa-lực ca, sa-phộc hạ

OM VAJRA DHRIK (?DHRK) SVÀHÀ

_Tiếp, kết **Bị Giáp Hộ Thân Ấn**. Dùng thiên Độ của Quán Vũ (ngón cái trái) đặt vào ngay trong lòng bàn tay. Dem bốn Độ: Tiến, Nhẫn, Giới, Đàn (4 ngón trở, giữa, vô danh, út) nắm lại thành Quyền. Kết Ấn này xong, gia trì 5 nơi : vầng trán, vai phải, vai trái, tim, cổ họng. Đây gọi là **ngũ xứ**. Hộ Thân Chân Ngôn là :

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

An, bộ nhập-phộc la hồng

OM BHUḤ JVALA HŪM

Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Tịch Trừ Ấn. Dem các ngón trở, vô danh, út của 2 tay; bên phải đè bên trái, cùng cài chéo nhau bên trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành Quyền. Co 2 ngón cái song song vào lòng bàn tay, hai ngón giữa thẳng đứng hợp đầu ngón. Kết Ấn thành xong, ở trên đỉnh đầu xoay bên trái 3 lần gọi là Tịch Trừ, xoay bên phải 3 lần gọi là Kết Hộ. Tưởng nơi đến của tâm liền thành Giới Phương. Ấn này hay phá chướng, là việc pháp của tất cả Phật Đỉnh. Nếu tất cả các tám Bộ Trời Rồng, Dược Xoa, La Sát, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hô La Già, Tỳ Na Dạ Ca hung ác nhìn thấy Ấn này thấy đều sợ hãi chạy trốn. Tụng Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Năng mặc tam mãn đa mẫu đà nam. An, bộ-lỗ-án , mãn đà , sa-phộc hạ
NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM
OM BHRÙM BANDHA _ SVÀHÀ

_Tiếp, **Hiển Ất Già Chân Ngôn** là:

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ नमः ॥ ॐ

Năng mặc tam mãn đa mẫu đà nam. Nga nga năng tam ma tham ma , sa-phộc hạ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM _ GAGANA SAMA ASAMA SVÀHÀ

Dùng 2 tay nâng vật khí ngang trán, quỳ gối tụng Chân Ngôn 3 lần. Dâng hiển Ất Già tắm rửa Thánh Chúng.

_Tiếp, kết **Phổ Thông Cúng Dường Ấn**.

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय सर्वथा खाम उदगते स्फारा हिमाम गगनाकाम _ SVÀHÀ ॐ

Năng mặc tam mãn đa mẫu đà nam. Tát phộc tha, khiếm, ỏn ná-nghiệt đế, sa-phả la, tứ hàm, nga nga năng kiếm, sa-phộc hạ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM _ SARVATHA KHAM UDGATE SPHARA HIMAM GAGANAKAM _ SVÀHÀ

Do uy lực của Chân Ngôn này tuôn ra biển mây đèn sáng cúng dường Như Lai với các Thánh Chúng. Lại tưởng: phướng, phan, lọng, võng, anh lạc, y phục, lụa màu... Các mây biển cúng dường lan khắp Pháp Giới. Dùng lời thành thật tụng Diệu Già Đà mà xưng tán rằng :

Dùng lực công đức Ta

Lực Như Lai gia trì

Cùng với lực Pháp Giới

Cúng dường khắp mà trú

_Tiếp, kết **Phật Đại Bi Hộ Ấn**. Dem 10 Độ (10 ngón tay) cùng cài chéo nhau tác làm mặt trăng. Dựng thẳng Thiên Trí (2 ngón cái) Đản Tuệ (2 ngón út) sao cho cùng dính nhau. Kết Ấn thành xong, ấn : trái tim, trán, cổ họng rồi bung Ấn trên đỉnh đầu. Tụng Chân Ngôn là:

ॐ बुद्धाय नमः ॥ ॐ

Ấn, một đà muội để-lị , phộc nhật-la , lạc khất-sái hám , sa-phộc hạ

OM _ BUDDHÀ METRÌ (?MAITRÌ) VAJRA RAKṢA HÀM (?MÀM) SVÀHÀ

_ Tiếp. Kết **Phật Nhãn Ấn**. Chắp 2 tay lại, co 2 ngón cái vào lòng bàn tay, 2 ngón trỏ phụ ở lưng lóng thứ nhất của 2 ngón giữa như 2 con mắt đối nhau. Đây gọi là Phật Nhãn Ấn. Thành rồi thì gia trì 5 nơi là: Vầng trán, vai phải, vai trái, trái tim, cổ họng rồi bung Ấn trên đỉnh đầu. Chân Ngôn là:

ॐ मम नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय
(ॐ मम नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय)

Năng mặc tát phộc đất tha nghiệt để tỳ-dữu, la-hạ tỳ-dược, tam miểu tam một đệ tỳ-dược. An, lỗ lỗ, sa-phỏ lỗ, nhập-phộc la, đễsát-xá, tất đà lộ tả ninh, tát phộc lị-tha sa đạt nãnh, sa-phộc hạ

NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYO, RHATEBHYO
(?ARHATEBHYAḤ) SAMYASAMBUDDHEBHYAḤ
OM _ RURU SPHURU JVALA TIṢṬA SIDDHA LOCANE
SARVARTHA SADHANI (? SARVĀRTHA SĀDHANI) _SVĀHĀ

_ Tiếp kết **Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Ấn**. Trước tiên chấp tay, hai tay đem 2 ngón vô danh, 2 ngón út, bên phải đè bên trái cùng cài chéo nhau trong lòng bàn tay; dựng thẳng 2 ngón giữa rồi co cứng lông thứ nhất sao cho 2 đầu ngón dính nhau như hình cây kiếm, co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay, duỗi ngang 2 ngón trở co đè 2 ngón cái sao cho 2 móng ngón đụng nhau. Đây gọi là Đỉnh Luân Vương Căn Bản Ấn. Tụng rằng:

Ấn này Ma Ha Ấn (Đại Ấn)

Ấy là Như Lai Đỉnh

Vừa mới kết tác xong

Liên đồng với Thế Tôn

Chân Ngôn là:

ॐ मम नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

Năng mặc tam mãn đa mẫu đà nam. An (Nếu muốn cầu thỉnh, mong cầu tất cả việc thì ở đây gia thêm Khổng Tước Vương Đà La Ni) ॐ **Bộ-lỗ-án**

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ OM BHRŪM

Tiếp kết **Khổng Tước Vương Ấn** : Đem 2 tay cùng cài chéo nhau bên trong, dựng thẳng Đàn Tuệ (2 ngón út) sao cho đầu ngón dính nhau, cũng dựng thẳng Thiên Trí (2 ngón cái) cùng dính nhau thì Ấn ấy liền thành. Tụng Chân Ngôn 3 biến hoặc 7 biến và hợp tụng với Đỉnh Luân Vương, nên gia thêm câu Chân Ngôn này. Tụng Chân Ngôn là:

ॐ मयुरा क्रान्ते स्वहा

An, ma dữu la ca-lan đễ, sa-phộc hạ

OM _ MAYURĀ KRĀNTE (?MAYŪRĀ KRĀNTE) SVĀHĀ

Nếu dùng Tâm Thường trì niệm Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Chân Ngôn thì nên tụng riêng Khổng Tước Vương Chân Ngôn, cũng nên tụng riêng Pháp của Gia Cú này (Câu gia thêm), thân cận với vị A Xà Lê (Đạo Sư). Vì thế mới dùng miệng để truyền thụ việc tu Du Già, nên biết như thế.

_ Lại nói **Đàn Pháp cầu mưa**. Nếu trời hạn hán, người muốn cầu mưa chọn chỗ đất trống làm Đàn, trừ bỏ gạch ngói với các vật nhơ uest, trưng bày bức màn màu xanh, treo phan màu xanh, tô xoa bột thơm làm một Đàn hình vuông.

Ở trong Đàn vẽ ao nước bảy báu, trong ao vẽ cung của Hải Long Vương (Sàgara nàgaràja) . Ở trong cung Rồng có Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trụ tướng Thuyết Pháp, bên phải Đức Phật vẽ Quán Tự Tại Bồ Tát (Avalokite'svara Bodhisattva) , bên trái Đức Phật vẽ Kim Cương Thủ Bồ Tát (Vajrapàni Bodhisattva) cùng hầu cận Đức Phật.

Ở trước mặt Đức Phật: bên phải vẽ Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới Chủ Luân Cái Long Vương (Cakrapatra nàgaràja) , bên trái vẽ hai vị Long Vương Nan Đà (Nanda nàgaràja) và Bạt Nan Đà (Upananda nàgaràja) .

Ở bốn phương của Đàn dùng Cù Ma Di lỏng đều vẽ một vị Long Vương. Ở phương Đông vẽ một vị Long Vương có một thân ba đầu, dài ba khuỷu tay với quyền thuộc vây quanh. Ở phương Nam vẽ một vị Long Vương có một thân năm đầu, dài năm khuỷu tay với các quyền thuộc. Ở phương Tây vẽ một vị Long Vương có một thân bảy đầu , dài bảy khuỷu tay với các quyền thuộc vây quanh. Ở phương Bắc vẽ một vị Long Vương có một thân chín đầu, dài chín khuỷu tay với các quyền thuộc vây quanh. Tất cả các vị Long Vương đều ở trong đám mây mù màu xanh đen, nửa thân dưới là thân rắn có đuôi ở trong ao, nửa thân trên như hình Bồ tát, đều chắp tay từ ao nhảy vọt lên. Ở bốn góc của Đàn đặt 4 cái bình màu xanh. Tùy theo khả năng chia thức ăn uống, quả trái...đều là màu xanh thẫm , bày thành hàng , trong sạch cúng dường; đốt hương, rải hoa màu xanh. Vật dụng trong Đạo Trường đều dùng màu xanh.

Người cầu mưa : Nếu là Bạt Sô Xuất Gia , cần đủ Luật Nghi. Nếu là Tục Sĩ, cần thọ tám Giới. Lúc tác Pháp: An Tam Bạch Thực , mỗi ngày tắm rửa bằng nước hương thơm, mặc áo màu xanh mới sạch. Ở mặt Tây của Đàn , dùng vật màu xanh làm chỗ ngồi. Liền dùng hương xoa tay. Trước hết nên **Tam Mật Gia Trì** hộ thân của mình và trên cái án trên Đàn đặt Kinh **Đại Vân** . Đối với tất cả Hữu Tình, khởi Tâm Đại Bi, chí thành thỉnh tất cả Phật Bồ Tát gia trì, ngày đêm chân thành đọc Kinh Đại Vân này hoặc hai người, ba người cho đến bảy người thay phiên nhau đọc tụng Kinh, tiếng đọc chẳng nên gián đoạn.

Khi bị hạn hán. Như vậy y theo Pháp đọc tụng hoặc một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, quyết định tuôn mưa Cam Lộ. Nếu nạn tai nặng, chưa đổ mưa, lại tác Mật Giáng Vũ. Giả sử khiến cho biển lớn hoặc có vượt trào quá hạn , y theo Kinh này tác Pháp chuyển đọc thì không có gì không ứng.

Nên biết phát nguyện hồi hướng Công Đức có được do đọc Kinh cho các vị Rồng: Nguyện lia các khổ, phát Tâm Vô Thượng Bồ Đề vì tất cả Hữu Tình, giáng mưa Cam Lộ.

Nên để **Mật Kinh** cách xa các thôn ấp.

An , nga nga , a đế nga nga, sa-phộc hạ

_ Kim Cương Giải Thoát Chân Ngôn:

ॐ २५ ३५ ३:

An, phộc nhật-la mộ khát-xoa, mục

OM_ VAJRA MUKSA MUH

_ Diệp Y Quán Thế Âm Bồ Tát Chân Ngôn là:

ॐ पद्मवदरे हूँ ह्रूं

An, bả li-ná xả phộc li , hồng, phán tra

OM _ PALNA CAVARI (? PALÀ'SÀMBARÌ) HÙM PHAT

_ Trí Cự Như Lai Chân Ngôn là:

ॐ नमो अष्टा सितिनम सम्यसबुद्धा कुटिनं उ कुं वरम वरे
वरे हूँ

Năng mô a sất-tra thủy để nam, tam miệu tam một đà , củ chi nam. An
chỉ-nhưỡng năng bà tế , địa li hồng

NAMO AṢṬA 'SITINAM SAMYASABUDDHÀ KUTINAM (? AṢṬA
'SITINAM SAMYAKSAMBUDHÀ KOTINAM : 88 triệu Chính Đẳng Chính
Giác): OM _ JÑANA VABHÀSA (AVABHÀSA) , DHIRI DHIRI , HÙM

_ Đại Bi Tùy Tâm Chân Ngôn là:

ॐ पद्म वरु पद्मवदरे ह्रीं वरे वरे ह्रीं

An, bát đát-ma tả ngật-la, thương khư nga na, đà la ninh, nễ la kiến-tra,
tất địa-dã , tất địa-dã , hồng

OM _ PADMA CAKRA 'SAMKHAGADÀ , NILAGHAÑI SIDYA SIDYA
(? NÌLAKAÑTHA SIDDHYA SIDDHYA) HÙM

_ Vô Lượng Thọ Như Lai Tâm Chân Ngôn :

ॐ अमृतं गुरु हरि हूँ

An, a mật-lật đa , đế tế, hạ la , hồng

OM _ AMṚTA TEJE HARA HÙM

_ Đa La Bồ Tát Chân Ngôn:

ॐ तारे तुरारे तुर ह्रीं

An, đá li, đở đá li, đở li, sa-phộc hạ

OM _ TÀRE TUTÀRE TURE _ SVÀHÀ

_ Như Lai Cà Sa Chân Ngôn:

ॐ रक्ष सर्व बुद्धाधिष्ठा म वरि ह्रीं

An, lạc khát-xoa, tát phộc một đà địa thất-xỉ đá, đát-ma , tử phộc la, sa-
phộc hạ

OM _ RAKṢA SARVA BUDDHA ADHIṢṬA , TMA (?ATMA) CIVARA
SVÀHÀ

ĐẠI NHẬT KINH LƯỢC NHIẾP NIỆM TỤNG TÙY HÀNH PHÁP

Cúi lạy Vô Ngại Trí

Ý Mật Giáo sinh con

Y theo Tu Đa La (Sutra_ Khế Kinh)

Nhiếp Pháp **Tùy Hành** này
Chân Ngôn Hạnh Bồ Tát
Trước trụ thế Bình Đăng
Cùng Ngũ Mật, Thân Mật
Sau tác hạnh tương ứng
Tam Muội Gia Chân Ngôn

ॐ: मम मम वृक्ष उ मम मम मम मम मम

Năng mô tam mạn tam bột đà nẫm. An, a tam mê, để-lị tam mê , tam ma duệ, sa-phộc hạ

NAMAḤ SAMANTABUDDHĀNĀM_ OM ASAME TRISAME SAMAYE SVĀHĀ

Khế là : Hợp ngang Luân (Chắp tay sao cho các ngón tay ngang bằng nhau)
Kèm dựng ở hai Không (2 ngón cái)
Năm nơi: Đỉnh, vai (2 vai), tim
Sau cùng gia cổ họng

_ Tiếp dùng **Bất Động** (Thánh Tư nói rằng: Pháp hành Niệm Tụng này đồng với bản lưu bố ở đời nên lược bỏ đi)

_ Tám **Chuyển Thanh** là: Thể, Nghiệp, Tác Cụ, Sở Vi, Tông, Thuộc, Y, Hô.
Giải thích là:

1_ **Thể Thanh** : Như hàng Bồ Tát Ma Ha Tát là hô gọi Thể Thanh

2_ **Nghiệp Thanh**: Như Bồ Tát lúc trước tu hành “ Quán Vô Sở Đắc” là Nghiệp Thanh

3_ **Tác Cụ Thanh** : Như vị Bồ Tát nào tu hành Quán Vô Sở Đắc , ấy là dụng Bát Nhã Ba La Mật Đa là Tác Cụ Thanh

4_ **Sở Vi Thanh** : Tu hành thế nào? Ấy là **Độ tất cả chúng sinh** là Sở Vi Thanh

5_ **Tông Thanh**: Theo đâu tu hành? Ấy là Theo chư Phật xuất hiện ở đời diễn nói Chính Pháp là Tông Thanh

6_ **Thuộc Thanh**: Vô sở đắc của cái gì? Ấy là vô sở đắc của tất cả Pháp là Thuộc Thanh

7_ **Y Thanh**: Tu hành ở đâu? Y theo hàng Tam Hiền Thập Địa là Y Thanh

8_ **Hô Thanh**: Ấy là Bên trên hô triệu Danh Ngôn là Hô Thanh

Dưới đây có 6 điều giải thích **Ly Hợp** hoàn toàn giống như bản văn lưu truyền ở đời nên lược bỏ đi.

Tiếp có **Ma Lợi Chi Bồ Tát Lược Niệm Tụng Pháp Tắc** Do Tam Tạng Đại Quảng Trí **Bất Không** dịch ở chùa Đại Hưng Thiện thì cũng hoàn toàn giống như bản lưu truyền ở đời nên lược đi.

Một quyển Kinh **Ma Lợi Chi**, nay cũng lược đi

Tiếp có Chân Ngôn Tam Muội Gia của 37 Tôn Du Già Trong Kinh Kim Cương Đỉnh trình bày như thứ tự, nay cũng lược đi.

**KIM CƯƠNG ĐỈNH DU GIÀ ĐẠI GIÁO VƯƠNG KINH
THẬP LỤC ĐẠI BỒ TÁT TÁN**

1_ Kim Cương Thủ:

वज्रसह मन्सह वज्र सह गणगण समग र्शु वज्रतु
वज्रधम्म नम सुग

Phộc nhật-la tát đóa-phộc, ma ha tát đát-phộc phộc nhật-la .Tát phộc đát tha nga đa tam mẫn đa bà niết-la phộc nhật-la nễ tha, phộc nhật-la phan ni, năng mô sa-đô đế.

VAJRASATVÀ , MAHÀSATVÀ VAJRA, SARVA TATHÀGATÀ SAMANTA BHADRA, VAJRA DYA, VAJRAPÀÑI , NAMO STUTE

2_ Kim Cương Vương:

वज्ररुद्र सुवहय वज्र कुम्भ गणगण समथ र्शु वज्रतु
वज्र कध नम सुग

Phộc nhật-la la nhạ, tổ một đà nghĩ-li , phộc nhật-la câu xả, đa đà nga đa, a mô khư la nhạ, phộc nhật-la nễ tha, phộc nhật-la yết lật-sái, năng mô sa-đô đế.

VAJRARAJA, SUBUDDHÀGRA, VAJRA KU'SA, TATHÀGATA, AMOGHA RAJA, VAJRA DYA, VAJRAKARṢA , NAMO STUTE

3_ Kim Cương Ai:

वज्ररग मन् ऋश्रु वज्र वमव भेरि म्भ कम् मन्
वज्र र्च नम सुग

Phộc nhật-la la nga, ma ha tảo câu-dã, phộc nhật-la phộc noa phộc, thương ca la, ma ha phộc nhật-la tả bà, năng mô sa-đô đố đế.

VAJRARAGA, MAHÀ SAUKHYA VAJRA VÀṄAVA 'SAMKARA MARA KAMA, MAHÀ VAJRA CAPA, NAMO STUTE.

4_ Kim Cương Hỷ:

वज्रसधु सुवज्रश्रु वज्र तुष्ट मन् र्ग धमश्रु र्शु वज्र
कध नम सुग

Phộc nhật-la sa đò, tô phộc nhật-la nga-la-dã , phộc nhật-la đô sất-trí, ma ha la đế, bát-la mô nễ-tha la nhạ, phộc nhật-la ha lật-sái, năng mô sa-đô đố đế.

VAJRASADHU, SUVAJRA GRYA, VAJRA TUṢṬI , MAHÀ RATE, PRAMODYA RAJA, VAJRA HARṢA , NAMO STUTE.

5_ Kim Cương Bảo:

वज्ररुद्र सुवज्रध वज्र कम्भ मन् म्भ म्भरगण वज्रतु
वज्रगण नम सुग

Phộc nhật-la la dát-na, tố phộc nhật-la lật-tha, phộc nhật-la ca xả, ma ha ma ni, a ca xả nghiệt bà, phộc nhật-la nễ-dã, phộc nhật-la nghiệt bà, năng mô sa-đô đế.

VAJRARATNA, SUVAJRARTHA, VAJRA KÀ'SA , MAHÀ MAṆI, AKÀ'SA GARBHA, VAJRA DYA, VAJRA GARBHA, NAMO STUTE.

6_ Kim Cương Quang:

वज्रगर मन्त्रव वज्र सुप्र ऋण प्र वज्र [अ मन् गर
वज्रप्र नम सुग

Phộc nhật-la đế nhạ, ma ha nhập-phộc la phộc nhật-la, tố li-dã nhĩ năng, bát-la bà phộc nhật-la, la thấp-nhĩ, ma ha đế nhạ, phộc nhật-la bát-la bà, năng mô sa-đô đế.

VAJRATEJA, MAHÀ JVALA, VAJRA SURYA , JINA PRABHA, VAJRA RA'SMI , MAHÀ TEJA , VAJRA PRABHA, NAMO STUTE.

7_ Kim Cương Tràng:

वज्रकतु सुमदथ वज्र वृण सुगधन [वकतु मन् वज्र
यष्टय नम सुग

Phộc nhật-la kế đô, tô tát dát-phộc lật-tha, phộc nhật-la đọa-phộc nhạ, tố đồ sái ca , la dát-ná kế đô, ma ha phộc nhật-la dã sắt-trí duệ, năng mô sa-đô đế.

VAJRAKETU, SUSATVÀRTHA , VAJRA DHVAJA SUTOŚAKA RATNA KETU, MAHÀ VAJRA YAṢṬAYE, NAMO STUTE.

8_ Kim Cương Tiếu:

वज्रकम मन् कम वज्र अग मन्तुग एग प्रमत्त वज्र
एग नम सुग

Phộc nhật-la ha tát, ma ha hạ sa phộc nhật-la tất-nhĩ đa , ma ha ná-bộ đa bát-li để , bát-la mô nễ-dã , phộc nhật-la bát-li để , năng mô sa-đô đế.

VAJRAHASA, MAHÀ HÀSA, VAJRA 'SMITA, MAHÀ DBHUTA PRÌTI, PRÀMODYA, VAJRA PRÌTE, NAMO STUTE.

9_ Kim Cương Pháp:

वज्रदध सुमदथ वज्र पम सुदक ऋकवरा सुवज्र
वज्रन नम सुग

Phộc nhật-la đạt ma, tố tát dát-phộc lật-tha, phộc nhật-la bát ma , tố đạt ca lỗ kế thấp-phộc la, tô phộc nhật-la khất-sái, phộc nhật-la ni dát-la, năng mô sa-đô đế.

VAJRADHARMMA, SUSATVARTHA, VAJRA PAMA, SUDHAKA LOKE'SVARA, SUVAJRA KṢA, VAJRA NETRA, NAMO STUTE.

10_ Kim Cương Lợi:

वज्रजिह्व मन्थन वज्र कुम्भ मन्थन मङ्गली वज्र गङ्गी
वज्र वृक्ष नम सुग

Phộc nhật-la để khát-sái-noa, ma ha đã đá phộc nhật-la câu xá, ma ha dữu đà, hàm tô thấp-lị , phộc nhật-la nga tị lị-gia, phộc nhật-la một để, năng mô sa-đô để.

VAJRA TIKṢNA, MAHÀ YATTA, VAJRA KU'SA, MAHÀ YUDHA, MAJU'SRÌ VAJRA GÀMBHÌRYA, VAJRA BUDDHO , NAMO STUTE.

11_ Kim Cương Nhân:

वज्ररुद्र मन्मथ वज्रवक्र मन्मथ सप्तवक्र वज्रगण
वज्रमथ नम सुग

Phộc nhật-la hệ đô, ma ha mãng noa, phộc nhật-la tác yết-la , ma ha năng đã, tô bát-la phộc lật-đa năng, phộc nhật-lô đa tha, phộc nhật-la man noa, năng mô sa-đô để.

VAJRAHETU, MAHÀ MAṆḌA, VAJRA CAKRA, MAHÀ NAYA, SAPRAVARTTANA VAJRO TATHÀ, VAJRA MAṆḌA, NAMO STUTE.

12_ Kim Cương Ngữ:

वज्ररूप सुवैश्रु वज्ररूप सुसिद्धे न सुवच वज्र वैश्रु
वज्ररूप नम सुग

Phộc nhật-la bà sái, tổ vĩ nễ-dã nga-la-dã, phộc nhật-la nhạ ba, tô tất đề nại, a phộc tá phộc nhật-la vĩ nễ-dã nga-la, phộc nhật-la bà sa, năng mô sa-đô để.

VAJRABHAṢA , SUVIDYA GRYA, VAJRAJAPA, SUSIDDHI DA, AVÀCA VAJRA VIDYA GRA, VAJRABHAṢA, NAMO STUTE.

13_ Kim Cương Nghiệp:

वज्रकर्म सुवज्र कु कर्म वज्र सुसर्व वज्रमथ मन् नः
वज्रवैश्रु नम सुग

Phộc nhật-la yết ma, tô phộc nhật-la chỉ nhạ, yết ma phộc nhật-la, tô tất phộc, phộc nhật-la mẫu cụ, ma ha nại lị-gia, phộc nhật-la vĩ thấp-phộc, năng mô sa-đô để.

VAJRAKARMMA, SUVAJRA JÑÀ KARMMA, VAJRA SUSATVA, VAJRÀMOGHA, MAHÀ DORYA , VAJRA VI'SVA , NAMO STUTE.

14_ Kim Cương Hộ:

वज्ररिक्त मन्मथ वज्र वैश्रु मन् ईरुद्रव न मणी व
वज्र वी व नम सुग

Phộc nhật-la la khát-xoa, ma ha phệ lị-gia phộc nhật-la phộc-ma , ma ha niết-lị nại nô lị-dữu đà năng, tô vĩ lị-gia nga-la , phộc nhật-la vĩ lật-gia, năng mô sa-đô để.

VAJRARAKṢA , MAHÀ VAIRYA, VAJRA VARMA, MAHÀ
DRDHURYODHANA, SAVIRYA GRA, VAJRA VIRYA, NAMO STUTE.

15_ Kim Cương Nha:

वज्रयज्ज मज्जय वज्रं दंष्ट्रं मज्जं नय मरि चमदं वज्रं
य वज्रं वज्रं नम सुग

Phộc nhật-la được khất-sái, ma hộ bà dã, phộc nhật-la năng sắt-tra-la, ma
ha bà dã ma la, bát-la ma nễ phộc nhật-lô nga-la, phộc nhật-la tán noa, năng mô
sa-đô đê.

VAJRAYAKṢA, MAHÀ PÀYA, VAJRA DAMṢṬRA, MAHÀ BHAYA
MARA, PRAMADI VAJRO GRA, VAJRA CAṆḌA, NAMO STUTE.

16_ Kim Cương Quyên:

वज्रमङ्गं सुरवृष्टं वज्रं वज्रं चमवत् वज्रं सुष्ठु य ममयं
वज्रं सुष्ठु नम सुग

Phộc nhật-la tán địa, tô bà ni địa-tha, phộc nhật-la mẫn đà, bát-la mộ tả
ca, phộc nhật-la mẩu sắt-tra-gia nga-la, tam ma diên, phộc nhật-la mưu sắt-trí,
năng mô sa-đô đê.

VAJRASANTI, SUBHANEDHYA, VAJRA BANDHA, PRAMOCAKA,
VAJRA MUṢṬA GRA, SAMAYAM , VAJRA MUṢṬA , NAMO STUTE.

Tiếp đây có Chân Ngôn của các Tôn, nay chẳng phải là sử dụng . Đại khái
giống như Đà La Ni lưu truyền ở đời nên lại lược đi.

Phần trên là **Đại Nhật Kiếm Ấn Quảng Bản** . Ngày Đại Sư về Triều được
Tuệ Quả Hoà Thượng truyền cho , còn Lược Bản kia là sử thuật của **Tiểu Tăng Dạ
Chính** . Theo truyền thống là như thế.

Năm nay thấy có nhiều Bản truyền tả sai lầm chẳng ít. Nhân đây đối chiếu
hiệu đính ấn bản khiến cho độc giả dễ thấy.

Xong Diển Áo Sao 42 giải thích Phẩm **Chuyển Tự Luân** , Kệ Quy Kính có
ghi:”Quy mệnh Tâm Bồ Đề...” Trở xuống có sáu câu Tán theo bản Phạn được trích
trong Đại Nhật Kiếm Ấn của Tiểu Dạ Tăng Chính rất cực bí vậy.

Theo sự ghi chép của ba Thầy: **Từ Giác, Tuệ Quả, Tông Chính** thì đó là
Tán Tâm Bồ Đề của Tỳ Lô Giá Na Như Lai.

Trong hai bản này không có bài Phạn Tán, chắc là viết sót hay là có bản
khác nữa? Hãy đợi tìm sau.

Niên Hiệu Hưởng Hòa, năm dậu, năm Tân Dậu, mùa Thu tháng 9, ngày
mồng 9

Hòa Châu_Trường Cốc Tự _Hoan Hỷ Viện
Khoái Đạo ghi

_ Ghi chú của người dịch:

Các phần lược bỏ bên trên đều do người biên soạn lược đi chứ không phải người dịch cắt bỏ. Do nhận thấy phần Phạm Văn ghi nhận công đức của 16 Tôn trong Kinh Kim Cương Đỉnh sai sót khá nhiều, nên người dịch xin phục hồi và chú thích nghĩa Phạm Văn như sau:

1_ Kim Cương Thủ:

VAJRASATVA (Kim Cương Tát Đỏa) MAHÀ SATVÀ VAJRA (Đại Tát Đỏa Kim Cương) SARVA TATHÀGATA (Tất cả Như Lai) SAMANTABHADRA (Phổ Hiền) VAJRADYA (Kim Cương Thượng Thủ) VAJRAPÀNI (Kim Cương Thủ) NAMO STUTE (Nay tôi kính lễ)

2_ Kim Cương Vương:

VAJRA RÀJA (Kim Cương Vương) SUBUDDHÀGRYA (Điều Giác Tối Thượng) VAJRA AÑKU'SA (Kim Cương Câu) TATHÀGATA (Như Lai) AMOGHA VAJRÀGRYA (Bất Không Kim Cương Thượng Thủ) VAJRA AKARṢA (Kim Cương Thỉnh Dẫn) NAMO SUTE (Nay tôi kính lễ)

3_ Kim Cương Ai:

VAJRA RÀGA (Kim Cương Ai Nhiễm) MAHÀ SAUKHYA (Đại Phỉ Lạc) VAJRA VANA (Kim Cương Tiến: Mũi tên Kim Cương) VA'SAÑKARA (Bậc năng giáng phục) MÀRA KÀMA (Ma Chướng Ai Dục) MAHÀ VAJRA (Đại Kim Cương) VAJRA CÀPA (Kim Cương Cung: Cây Cung Kim Cương) NAMO STUTE (Nay tôi kính lễ)

4_ Kim Cương Hỷ:

VAJRA SÀDHU (Kim Cương Thiện Tai) SUVAJRÀGRYA (Điều Kim Cương Thượng Thủ) VAJRA TUṢṬAI (Kim Cương Hỷ Dực) MAHÀ RÀTI (Đại Duyệt Ý) PRAMODYA RÀJA (Hoan Hỷ Vương) VAJRADYA (Kim Cương Thượng Thủ) VAJRÀ HARṢA (Kim Cương Thiện Hỷ) NAMO STUTE (Nay tôi kính lễ)

Đây là 4 Tôn ở phương Đông, mỗi Tôn có 6 Đức.

5_ Kim Cương Bảo:

VAJRA RATNA (Kim Cương Bảo) SUVAJRA (Điều Kim Cương) ARTHA (Nghĩa lợi) VAJRA ÀKÀ'SA (Kim Cương Hư Không) MAHÀ MANI (Đại Như Ý Bảo Châu) ÀKÀ'SA GARBHA (Hư Không Tạng) VAJRA HYA (Kim Cương Phú Nhiêu) VAJRA GARBHA (Kim Cương Tạng) NAMO STUTE (Nay tôi kính lễ)

6_ Kim Cương Quang:

VAJRA TEJA (Kim Cương Uy Đức) MAHÀ JVALA (Đại Quang Diễm) VAJRA SÙRYA (Kim Cương Nhật: Mặt Trời Kim Cương) JINA PRABHÀ (Tối Thắng Quang) VAJRA RA'SMI (Kim Cương Điều) MAHÀ TEJA (Đại Uy Đức) VAJRA PRABHÀ (Đại Quang) NAMO STUTE (Nay tôi kính lễ)

7_ Kim Cương Tràng:

VAJRA KETU (Kim Cương Tràng) SUSATVÀRTHA (Thiện Lợi Chúng Sinh) VAJRA DHVAJA (Kim Cương Tràng) SUTOŚAKA (Hoan Hỷ) RATNA KETU (Bảo Tràng) MAHÀ VAJRA (Đại Kim Cương) VAJRA YAŚṬAI (Kim Cương Quang Hỷ) NAMO STUTE (Nay tôi kính lễ)

8_ Kim Cương Tiểu:

VAJRA HÀSA (Kim Cương Tiểu) MAHÀ HÀSA (Đại Tiểu) VAJRA SMITA (Kim Cương Vi Tiểu) MAHÀ DABHUTA (Đại Hy Hữu) PRÌTI PRÀMODYA (Lạc Vương Hoan Hỷ) VAJRADYA (Kim Cương Thượng Thủ) VAJRA PRÌTI (Kim Cương Hoan Hỷ) NAMO STUTE (Nay tôi kính lễ)

Đây là 4 Tôn ở phương Nam trong đó Kim Cương Bảo có 8 Đức, 3 Tôn còn lại mỗi Tôn đều có 7 Đức.

9_ Kim Cương Pháp:

VAJRA DHARMA (Kim Cương Pháp) SUSATVÀRTHA (Thiện Lợi Chúng Sinh) VAJRA PADMA (Kim Cương Liên Hoa) SU'SUDDHAKA (Thiện Tĩnh Pháp) LOKE'SVARA (Thế Tự Tại) SUVAJRACAŚU (Diệu Kim Cương Nhân) VAJRA NETRE (Kim Cương Nhân) NAMO STUTE (Nay tôi kính lễ)

10_ Kim Cương Lợi:

VAJRA TIKṢṆA (Kim Cương Lợi) MAHÀ YÀNA (Đại Thừa) VAJRA KU'SA (Kim Cương Tạng) MAHÀ YUDHA (Đại Khí Trượng) MAÑJU'SRÌ (Diệu Cát Tường, Văn Thù Sư Lợi) VAJRA GAMBHIRYA (Kim Cương Thâm Thâm) VAJRA BUDDHE (Kim Cương Giác) NAMO STUTE (Nay tôi kính lễ)

11_ Kim Cương Nhân:

VAJRA HETU (Kim Cương Nhân) MAHÀ MAṄḌALA (Đại Đạo Trường) VAJRA CAKRA (Kim Cương Luân) MAHÀ NAYA (Đại Lý Thú) SUPRAVARTTANA (Diệu Chuyển Luân) VAJRA TATHÀ (Kim Cương Khởi) VAJRA MAṄḌALA (Kim Cương Đạo Trường) NAMO STUTE (Nay tôi kính lễ)

12_ Kim Cương Ngữ:

VAJRA BHÀṢA (Kim Cương Ngữ) SUVIDYÀGRYA (Diệu Minh Thượng Thủ) VAJRA JÀPA (Kim Cương Niệm Tụng) SUSIDDHI DA (Hay trao cho Diệu Tất Địa) AVÀCA (Vô Ngôn Thuyết) VAJRA SIDDHYÀGRYA (Kim Cương Thượng Tất Địa) VAJRA VÀCA (Kim Cương Ngôn Thuyết) NAMO STUTE (Nay tôi kính lễ)

Đây là 4 Tôn ở phương Tây, mỗi Tôn đều có 7 Đức

13_ Kim Cương Nghiệp:

VAJRA KARMA (Kim Cương Nghiệp) SUVAJRAJÑA (Diệu Kim Cương Trí) KARMA VAJRA (Tỳ Thủ Kim Cương) SUSARVÀGRA (Thiện biến nhất thiết

xứ) VAJRA AMOGHA (Kim Cương Bất Không) MAHODARYA VAJRA VI'SVA
(Đại Khoan Quảng Kim Cương Xảo Diệu) NAMO STUTE (Nay tôi kính lễ)

14_ Kim Cương Hộ:

VAJRA RAKṢA (Kim Cương Thủ Hộ) MAHÀ VAIRYAḤ (Đại Tinh Tiến)
VAJRA VARMA (Kim Cương Giáp) MAHÀ DR̥DHA (Đại Kiên Cố)
DRAYODHANA (Khó thể đối địch) SUVĪRYÀGRYA (Diệu Tinh Tiến Thượng
Thủ) VAJRA VĪRYA (Kim Cương Tinh Tiến) NAMO STUTE (Nay tôi kính lễ)

15_ Kim Cương Nha:

VAJRA YAKṢA (Kim Cương Được Xoa) MAHÀ PÀYA (Đại Phương Sứ)
VAJRA DAMṢṬRA (Kim Cương Nha) MAHÀ BHAYA (Đại Bố Uy) MÀRA
PRAMARTHA (Tồi diệt Ma Chướng)VAJRÀGRA (Kim Cương Thắng Thượng)
VAJRA CANḌA (Kim Cương Bạo Ấc) NAMO STUTE (Nay tôi kính lễ)

16_ Kim Cương Quyền:

VAJRA SAM̐DHI (Kim Cương Mật Hợp) SUSANADHYA (Thiện Hiện
Nghiệm) VAJRA BANDHA (Kim Cương Phộc) PRAMOCAKA (Thiện Năng Giải
Thoát) VAJRA MUṢṬÀGRYA SAMAYAM (Kim Cương Quyền Thượng Thủ Bản
Thệ) VAJRA MUṢṬAI (Kim Cương Quyền) NAMO STUTE (Nay tôi kính lễ)

Đây là 4 Tôn ở phương Bắc, mỗi Tôn đều có 7 Đức

10/05/2006